TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/7/2025
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Phạm Hồng Gái**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham phiên tòa: Không.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc: "*Xin ly hôn và nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã M, tỉnh A.

- *Bị đơn*: Anh **Danh T**, sinh năm 1987 Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã M, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/5/2011. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi và anh chị đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Xét thấy tình

cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Danh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T trong thời gian chung sống có 01 người con chung tên Danh Thị Ngọc N, sinh ngày 01/4/2012, hiện đang sống cùng chị N. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngàu 23/6/2025 anh Danh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Danh T và chị Nguyễn Huỳnh N tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/5/2011. Trong thời gian chung sống anh T và chị N có phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Nguyễn Huỳnh N có 01 người con chung tên Danh Thị Ngọc N, sinh ngày 01/4/2012, hiện đang sống cùng chị N. Anh T đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Danh T. Bị đơn cư trú tại ấp S, xã M, tỉnh A. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N và bị đơn anh Danh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng

dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N và bị đơn anh Danh T tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T tự tìm hiểu yêu thương nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/5/2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Huỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh T do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và anh chị đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Không có quan tâm, hỏi han hay chăm sóc nhau. Điều này đã được anh Danh T thừa nhận và cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Huỳnh N không có nguyện vọng muốn hàn gắn, đoàn tụ. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị N xin ly hôn với anh T Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T xác định anh chị có một người con chung tên Danh Thị Ngọc N, sinh ngày 01/4/2012, hiện đang sống cùng chị N. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị N và anh T sống ly thân cháu Nương do chị N chăm sóc tốt về thể chất và tinh thần, cháu Như là con gái nên sẽ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn. Ngoài ra, cháu Như đã hơn 7 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng chị N khi anh chị ly hôn và điều này cũng được anh T đồng ý. Do đó, để ổn định cuộc sống và sự phát triển tốt của cháu Nương Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N là có cơ sở chấp nhận. Giao cháu Nương cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Huỳnh N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, chị N xác nhận có đủ điều kiện nuôi con chung mà không cần anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T xác định anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 - Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh N.

1/. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huỳnh N được ly hôn với anh Danh T.

2/. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Huỳnh N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Danh Thị Ngọc N, sinh ngày 01/4/2012 đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Danh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T không có.

4/. Về nợ chung: Chị Nguyễn Huỳnh N và anh Danh T không có.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Huỳnh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011115 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang). Theo đó chị N không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thanh Sang